



# tesa<sup>®</sup> 70630

## Thông tin Sản phẩm

Băng keo kết dính và tháo rời màu đen hai mặt 300µm

### Product Description

tesa<sup>®</sup> 70630 là băng keo gắn hai mặt màu đen có thể được gỡ ra bằng cách kéo căng keo dính

### Đặc trưng

- Độ dày: 300µm
- Chặn ánh sáng
- Cường độ kết dính rất cao
- Khả năng chống đẩy và chống va đập vượt trội
- Dễ dàng gỡ bỏ ngay cả sau thời gian dài kết dính

### Ứng dụng

- Gắn pin
- Gắn vĩnh viễn các bộ phận trong thiết bị điện tử với tùy chọn tháo các chi tiết để sửa chữa hoặc tái chế

Cố định tạm thời các bộ phận

- Chặn ánh sáng trên màn hình và ứng dụng điện thoại di động

### Technical Information (average values)

The values in this section should be considered representative or typical only and should not be used for specification purposes.

### Cấu tạo sản phẩm

- |                            |           |                  |       |
|----------------------------|-----------|------------------|-------|
| • Backing                  | không     | • Màu sắc        | đen   |
| • Loại keo                 | đặc trưng | • Màu lớp lót    | nâu   |
| • Vật liệu lớp lót (liner) | glassine  | • Độ dày lớp lót | 72 µm |
| • Độ dày                   | 300 µm    |                  |       |

### Loại sản phẩm

- Màu sắc có sẵn                      đen

### Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

- |   |         |   |         |
|---|---------|---|---------|
| • Chịu nhiệt trong dài hạn                | 60 °C   | • Kháng lực kéo trượt tĩnh 40°C                   | rất tốt |
| • Chịu nhiệt trong ngắn hạn               | 90 °C   | • Khả năng dễ tháo gỡ băng keo sau 14 ngày (23°C) | rất tốt |
| • Dễ tháo gỡ không có keo bám trên bề mặt | có      | • Solvent free                                    | có      |
| • Kháng lực kéo trượt tĩnh 23°C           | rất tốt |   |         |

để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=70630>



# tesa<sup>®</sup> 70630

## Thông tin Sản phẩm

### Độ bám dính

• nhôm (ban đầu)	12 N/cm	• PE (ban đầu)	9 N/cm
• nhôm (sau 14 ngày)	12 N/cm	• PE (sau 14 ngày)	9 N/cm
• Magnesium (giai đoạn đầu)	10 N/cm	• thép (ban đầu)	17 N/cm
• Magnesium (sau 14 ngày)	10 N/cm	• thép (sau 14 ngày)	17 N/cm

### Disclaimer

sản phẩm của tesa@ được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách



để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=70630>